TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2022/HN-ST
Ngày: 27/5/2022
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trần Văn Nghiệm.**

Bà **Nguyễn Thị Nhàn**.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà **Phan Thị Ngọc Ngân –** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Không tham gia

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp "*Xin ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn**: Huỳnh Kha L,** sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp Lợi An, xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

* Bị đơn: **Trần Ngọc M,** sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp Lợi An, xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải chị L trình bày:

Chị và anh M chung sống với nhau và tổ chước cưới năm 1997. Trước đây có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây. Chị có nhận giấy chứng nhận kết hôn đem về, cách đây khoảng 04 tháng thì vợ chồng mâu thuẫn nên tự hai vợ chồng xé giấy chứng nhận kết hôn. Nay, chị yêu cầu ly hôn thì Uỷ ban nhân dân xã để xin cấp bản sao nhưng không có mà Uỷ ban nhân dân xã Bình Tân xác nhận chị và anh Minh không có đăng ký kết hôn và chị cũng thống nhất là vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân ly hôn do anh M ham mê cờ bạc, không lo làm ăn, chị nhiều lần khuyên ngăn

nhưng anh không từ bỏ. Chị cho anh nhiều cơ hội nhưng anh cũng không thay đổi.

Nay, chị không thể chung sống với anh M được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Trần Huỳnh Tiến Đ, sinh năm 1988 và Trần Huỳnh Tiến Đ, sinh năm 2003 đã trưởng thành, không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh M trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian chung sống, tổ chức cưới cũng như việc Uỷ ban nhân dân xã Bình Tân xác nhận không có đăng ký kết hôn và có hai con chung là đúng. Nay, anh thống nhất ly hôn với chị L.

Về con chung: đã trưởng thành, không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị L, anh M chung sống với nhau có tổ chức cưới năm 1997, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị L, bị đơn anh M có đơn xin vắng mặt cho đến khi giải quyết xong vụ kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L, anh M.

[2] Về nội dung:

Chị L yêu cầu được ly hôn với anh M nguyên nhân do anh M ham mê cờ bạc, không lo làm ăn, chị nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh không từ bỏ. Chị cho anh nhiều cơ hội nhưng anh cũng không thay đổi. Xét thấy, chị L, anh M chung sống với nhau, có tổ chức cưới năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị L xin ly hôn, anh M cũng đồng ý.

Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị L và anh M là vợ chồng phù hợp với Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Trần Huỳnh Tiến Đ, sinh năm 1988 và Trần Huỳnh Tiến Đ, sinh năm 2003 đã trưởng thành, không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 28, 35 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, 14, 15, 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Huỳnh Kha L và anh Trần Ngọc M là vợ chồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp

- Về án phí HNST:

Chị Huỳnh Kha L phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 0006143 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây. Như vậy, chị Luân đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị L, anh M kháng cáo kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Phan Thanh Bình

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện GCT;
- C.c. THADS huyện GCT ;
- Đương sự;
- UBND xã Bình Tân;
- Lưu hồ sơ.